

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 618/2022/HC-PT

Ngày: 26/12/2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính,  
hành vi hành chính.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Huyền Cường;

**Các Thẩm phán:** Ông Phạm Văn Tuyền;

Ông Phùng Hải Hiệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 116/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 18/2021/HC-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11742/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

\* **Người khởi kiện:** Bà Kiều Thị V; địa chỉ: Khu 6, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

\* **Người bị kiện:** UBND huyện P, tỉnh Phú Thọ; xin xét xử vắng mặt.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** UBND xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ông Nguyễn Văn Đoạt trình bày:**

**1. Người khởi kiện trình bày:** Thửa đất mà Nhà nước thu hồi là do vợ chồng bà khai hoang từ trước năm 1968 cạnh đình cũ của làng Thọ Quang là đường đi của làng, nay thuộc khu 6, xã P, nhưng bỏ hoang hóa nên gia đình bà khai hoang, diện tích khoảng 500m<sup>2</sup>. Sau đó chồng bà đi bộ đội, đã hy sinh. Năm 1971 bà đã làm nhà, dựng quán để bán hàng và đưa các con ra sinh sống ổn định. Lúc đó chính quyền địa phương xã không có ý kiến gì. Bà làm 04 gian nhà và 01

bếp có công trình phụ trên thửa đất bị thu hồi từ những năm 1971, không có tranh chấp.

Trước đây bà chưa được UBND xã cấp thửa đất nào, bà chỉ có 01 thửa đất mà UBND huyện thu hồi tại khu 6, xã P. Sau đó bà mua mảnh đất của HTX ở khu Núi Chùa, trong khu vực đó có 05 ô, bà mua ô số 02. Bà làm nhà và xây dựng công trình trên đất nhưng do không có nhu cầu sử dụng nên bà đã bán cho bà Sáng Soát ở khu 6, xã P năm 1989. Sau đó bà ra khu Núi Khiếm (khu 8) mua 03 gian nhà lá và 02 gian quán diện tích khoảng 300m<sup>2</sup> của ông bà Hợp Thìn, số đất còn thừa thì ông bà Hợp Thìn cho bà sử dụng diện tích khoảng 1.100m<sup>2</sup>.

Việc UBND xã trình bày gia đình bà xây dựng công trình thuộc 1 phần thửa đất số 20, tờ bản đồ số 14, loại đất là đất mạ, trên sổ mục kê ghi chủ sử dụng là UBND xã là không đúng. Vì đất mạ này là của nhân dân khu 2, xã P và có xác nhận của 03 gia đình, bà xây dựng công trình không nằm trên đất mạ.

Ngày 19/10/2004 thì UBND xã thu hồi đất của bà làm nhà văn hoá khu 6, không được bồi thường mà chỉ lập biên bản lấy đất, UBND xã có ý kiến sẽ đền bù cho bà sau nhưng đến nay chưa được đền bù. UBND xã đã lấy 272m<sup>2</sup>, diện tích còn lại là hơn 200m<sup>2</sup>. Bà đồng ý để UBND xã lấy đất để làm nhà văn hoá. Biên bản ngày 19/10/2004 thể hiện bà đã “có ngôi nhà của bà trên đất” chứ không phải như Biên bản ngày 28/8/2004 với nội dung là “bà có đơn xin làm quán bán hàng” trên đất. Nhà của bà trên đất từ năm 1971 chứ không phải từ năm 2004. Bà đề nghị Toà án trung cầu giám định chữ ký của bà trong Biên bản làm việc ngày 28/8/2004.

Bà đã được nhận số tiền 50% giá trị vật kiến trúc trên đất. Sau khi UBND huyện, HDBTGPMB chi trả tiền thiếu cho bà, bà đã làm đơn đến rất nhiều cơ quan nhưng không được giải quyết. Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc UBND huyện P chi trả số tiền còn lại 231.630.000đ tiền vật kiến trúc, tài sản còn thiếu thể hiện biên bản kiểm kê tài sản ngày 17/6/2009, hủy các quyết định về việc thu hồi đất của gia đình bà và cấp cho bà 01 ô tái định cư theo quy định của pháp luật (BL 25, 26, 30, 56, 63, 106, 108, 109).

## **2. UBND huyện P trình bày:**

**1. Nội dung 1:** Thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai, ngày 06/3/2008, UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 565/QĐ-UBND về việc thu hồi và giao đất để GPMB (BL 215) công trình Quyết định nêu trên do UBND tỉnh Phú Thọ ban hành, không thuộc thẩm quyền UBND huyện P.

**2. Nội dung 2:** Căn cứ Quyết định thu hồi trên. Ngày 04/4/2008 UBND huyện P ban hành Quyết định số 454/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thu hồi và giao đất để GPMB công trình: Dự án Dự án xây dựng đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai địa bàn huyện P, tỉnh Phú Thọ. Việc ban hành Quyết định của UBND huyện là đúng thẩm quyền và đúng quy

định của pháp luật. Việc bà Kiều Thị V yêu cầu huỷ bỏ Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 04/4/2008 của UBND huyện P là không có cơ sở.

**3. Nội dung 3:** Các Quyết định liên quan đến việc thu hồi đất của huyện P năm 2008 để thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai đối với gia đình bà Kiều Thị V là Quyết định số 3921/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 về việc thu hồi diện tích đất nông nghiệp do UBND xã P quản lý; thửa đất số 20 (thửa trích đo số 396), tờ bản đồ số 14 (bản trích đo số 03), thuộc khu 6, xã P diện tích đất bị thu hồi là 81,3 m<sup>2</sup> ( bà V sử dụng làm quán bán hàng giáp Nhà văn hóa khu 6 ).

**3.1. Nguồn gốc, diện tích, loại đất, thời điểm bà V sử dụng đến khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án làm đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai.**

- Căn cứ hồ sơ địa chính do UBND xã P lưu trữ: bản đồ địa chính lập ngày 26/10/2001, hoàn thành ngày 24/6/2003; sổ mục kê... diện tích đất bà V sử dụng làm quán bán hàng giáp nhà Văn hóa khu 6, xã Phù Ninh được xác định là một phần diện tích đất của thửa đất số 20, diện tích 204m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 14 thể hiện là đất mạ do UBND xã P quản lý (các thửa liền kề với thửa số 20 là thửa số 18,19,21 đều thể hiện là đất mạ do UBND xã P quản lý).

- Bản đồ thu hồi đất chi tiết để thực hiện việc thu hồi đất dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai thể hiện thửa đất bà V sử dụng bán hàng bị thu hồi là thửa đất số 396, diện tích toàn bộ thửa đất là 110,6m<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất bị thu hồi là 81,3m<sup>2</sup>.

- Quá trình xác minh nguồn gốc:

+ Biên bản làm việc ngày 28/8/2004 ( *BL 213*) giữa UBND xã P với bà Kiều Thị V về việc giải quyết đơn xin làm quán bán hàng tại khu vực xóm Thái, khu 6, xã P (*đơn xin làm quán của bà V UBND xã không cung cấp được cho đoàn xác minh*). UBND xã đồng ý cho bà V xây dựng quán với điều kiện gia đình bà V phải chờ UBND xã lập quy hoạch nhà Văn hóa khu 6, sau đó UBND xã sẽ xem xét quỹ đất còn lại để bố trí vị trí, diện tích xây quán, do đó UBND xã yêu cầu bà V dừng việc xây dựng quán. Biên bản có chữ ký của ông Nguyễn Tiến Hưng - Phó Chủ tịch UBND xã, ông Trần Trung Kiên - Cán bộ địa chính xã và chữ ký của bà Kiều Thị V dưới mục “Chủ hộ”. Tuy nhiên, khi Thanh tra tỉnh Phú Thọ làm việc với bà V ngày 20/01/2016, bà V khẳng định chữ ký dưới mục chủ hộ là giả mạo, không phải của bà, bà đề nghị cơ quan Nhà nước giám định chữ ký.

Thanh tra tỉnh Phú Thọ đề nghị Công an tỉnh giám định chữ ký của bà V trong biên bản làm việc ngày 28/8/2004. Theo yêu cầu của Công an tỉnh, Đoàn xác minh đơn của Thanh tra tỉnh Phú Thọ đã thu thập, cung cấp cho Công an tỉnh chữ ký của bà V tại thời điểm liền kề năm 2004 như: Sổ cấp lương hàng tháng của năm 2001, năm 2002 tại khu 8, xã P; Danh sách nhận trợ cấp người có công của chồng bà các năm 2005, 2006, 2007. Phòng KTHS-Công an tỉnh Phú Thọ đã giám định và có Kết luận giám định số 202/KL-GĐ ngày 29/01/2016 khẳng định chữ

ký của bà V dưới mục chủ hộ tại Biên bản làm việc ngày 28/8/2004 là của bà Kiều Thị V (BL 309, 301, 317, 319).

+ Biên bản làm việc ngày 19/10/2004 giữa UBND xã P, Ban vận động xây dựng Nhà văn hóa khu 6 với bà Kiều Thị V về việc UBND xã giao cho nhân dân khu 6 một ô đất làm Nhà văn hóa. Trong ô đất này thể hiện có quán của bà V, UBND xã P **tạm giao** cho bà V một phần diện tích đất có cả quán bán hàng, xác định phạm vi bà V được phép sử dụng xung quanh quán. Biên bản có chữ ký của bà V (BL 214).

+ Quá trình sử dụng đất, bà V có hành vi xây dựng lấn chiếm ngoài chỉ giới đất tạm giao nên ngày 12/11/2004, UBND xã cùng các đoàn thể, khu dân cư đã lập biên bản yêu cầu bà V dừng ngay việc tái lấn chiếm xây dựng trái phép trên đất quy hoạch xây dựng Nhà văn hóa khu 6; diện tích tái lấn chiếm xây dựng trái phép là 15m<sup>2</sup>, tường xây cao 3m (BL 353).

- Kết quả xác minh về quá trình sử dụng đất của gia đình bà V cho thấy trước năm 1990 bà Kiều Thị V có nhà và đất ở tại khu 6, xã P (ở vị trí khác). Đến năm 1990 bà V bán nhà và đất ở này cho bà Nguyễn Thị Soát, khu 6 xã P. Biên bản làm việc ngày 11/7/2012 giữa UBND xã P với anh Nguyễn Văn Bộ, khu 6, xã P (là con trai bà Soát) thể hiện: năm 1990, mẹ anh Bộ là bà Nguyễn Thị Soát mua lại đất và nhà tại thửa đất số 329, tờ bản đồ số 34, diện tích 887m<sup>2</sup> của bà Kiều Thị V.

Cùng năm 1990, bà V ra làm nhà tại khu vực núi Khiêm, khu 8, xã P ven đường Quốc lộ 2. Hồ sơ cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 51 tại khu 8, xã P cho hộ bà V chứng minh gia đình bà V sinh sống ổn định trên thửa đất này từ năm 1990 đến khi được cấp GCN quyền sử dụng đất năm 2012, thể hiện qua: Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư số 8, xã P về thời điểm, quá trình sử dụng đất của hộ bà V ngày 30/8/2012: Nội dung: Tự khai phá, làm nhà trên đất màu đồi, từ năm 1990, tình trạng: Ổn định, không tranh chấp (có 20 người ký xác nhận- BL 369); Đơn đề nghị ngày 07/9/2012 của anh Kiều Trung Khiêm (có cả bà V và anh Khiêm con trai bà V ký vào đơn) (BL 366). Hộ bà V đã được UBND huyện Phù Ninh cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BM 194349 ngày 26/9/2012 diện tích 1.388m<sup>2</sup> trong đó đất ở 300m<sup>2</sup> (không phải nộp tiền sử dụng đất - BL 363).

### ***3.2. Quá trình thu hồi, bồi thường, việc lập, phê duyệt phương án chi trả bồi thường của Hội đồng bồi thường HT&TĐC công trình đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai huyện P***

Thực hiện Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thu hồi và giao đất để giải phóng mặt bằng công trình dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai ( BL 215).

UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 04/4/2008 về việc thành lập Hội đồng bồi thường HT&TĐC; Quyết định số 455/QĐ-UBND

về việc thành lập Tổ công tác bồi thường HT&TĐC thu hồi và giao đất để GPMB công trình: Dự án xây dựng đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai địa bàn huyện P. Quyết định số 3921/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 về việc thu hồi diện tích đất nông nghiệp do UBND xã P quản lý ( BL 350); thửa đất số 20 (thửa trích đo số 396), tờ bản đồ số 14 (bản trích đo số 03), thuộc khu 6, xã P diện tích đất bị thu hồi là 81,3 m<sup>2</sup> (bà V sử dụng làm quán bán hàng giáp Nhà văn hóa khu 6). Thể hiện tại sổ địa chính, sổ mục kê là đất mạ bị thu hồi (BL 322, 325).

Tổ công tác bồi thường HT&TĐC huyện Phù Ninh đã lập biên bản kiểm kê cây cối, hoa màu, vật kiến trúc trên diện tích đất thu hồi bà V đang sử dụng vào ngày 12/06/2009; biên bản bổ sung năm 2011. Xây dựng dự toán kinh phí bồi thường đối với hộ bà V tổng hợp chung đối với dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường HT&TĐC. UBND xã Phù Ninh đã thông báo đến gia đình bà V việc thu dọn cây cối hoa màu, vật kiến trúc trên thửa đất này. Niêm yết công khai phương án bồi thường HT&TĐC theo qui định ( BL 204).

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường HT&TĐC dự án xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai ( giai đoạn 1) trong đó hộ bà V được bồi thường hỗ trợ số tiền 92.930.645 đồng về vật kiến trúc (*bà V không được bồi thường về đất*); UBND huyện Phù Ninh ban hành Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường HT&TĐC dự án xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai trong đó hộ bà V được phê duyệt kinh phí bồi thường bổ sung là 11.734.352 đồng. Tổng kinh phí hai đợt hộ bà V đã ký nhận, với số tiền là: 104.664.997,00 đồng.

***Quan điểm của UBND huyện: Nguồn gốc, diện tích, loại đất, thời điểm bà V sử dụng đến khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai:***

+ Căn cứ hồ sơ xác minh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của bà Kiều Thị V có đủ cơ sở khẳng định: Việc bà V trình bày đã khai phá thửa đất giáp nhà văn hóa khu 6, xã P từ những năm 1971, xây nhà từ những năm 1984 -1985 và ở ổn định cho đến khi Nhà nước thu hồi là không có cơ sở.

+ Bà V xây dựng quán bán hàng trên đất nông nghiệp do UBND xã quản lý. Năm 2004, bị UBND xã P yêu cầu dừng việc xây dựng quán theo Biên bản ngày 28/8/2004. Tuy bà V không thừa nhận biên bản ngày 28/8/2004 nhưng qua kết quả giám định của Công an tỉnh đã khẳng định tính pháp lý của văn bản này. UBND xã P đã buông lỏng quản lý không kiểm tra, giám sát dẫn đến ngày 19/10/2004 bà V đã cơ bản xây dựng xong quán bán hàng, UBND xã đã đồng ý tạm giao một phần diện tích đất và cho phép bà tiếp tục sử dụng. Quá trình sử dụng, bà V có lấn chiếm, xây dựng ngoài diện tích đất tạm giao; ngày 12/11/2004 UBND xã P có Biên bản yêu cầu dừng xây dựng, nhưng không kiên quyết xử lý, do đó tài sản xây dựng trái phép vẫn tiếp tục tồn tại đến khi Nhà nước thu hồi đất.

***- Về Quá trình thu hồi, bồi thường, việc lập, phê duyệt phương án chi trả bồi thường của Hội đồng bồi thường HT&TĐC công trình đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai huyện P:***

+ UBND huyện Phù Ninh, Hội đồng bồi thường HT&TĐC công trình đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai huyện Phù Ninh đã thực hiện việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà V theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

+ Căn cứ một số quy định của Pháp luật về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, cụ thể: Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9, 10 và 11 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các Điều 44, Khoản 2, Điều 45 và Điều 46 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, xác định hộ bà Kiều Thị V không đủ điều kiện được bồi thường về đất và tài sản trên đất.

+ Ngày 28/8/2004 Chính quyền xã đã yêu cầu bà dừng xây dựng, tuy nhiên không có biện pháp ngăn chặn kịp thời, để bà V tiếp tục xây dựng; đến ngày 19/10/2004 lại có Biên bản cho phép bà V được tạm sử dụng đất (cho phép tồn tại); quá trình sử dụng, bà V có coi nới, xây dựng trái phép, UBND xã có lập Biên bản (ngày 12/11/2004), nhưng không kiên quyết xử lý, bà V tiếp tục sử dụng đến khi Nhà nước thu hồi. Quá trình kiểm kê vật kiến trúc trên đất Tổ công tác bồi thường HT&TĐC không bóc tách được phần khối lượng xây dựng trước và sau thời điểm lập biên bản vi phạm, do đó Hội đồng bồi thường HT&TĐC huyện Phù Ninh đã xem xét vận dụng quy định tại Khoản 9, Điều 7 Quyết định số 1467/2011/QĐ-UBND ngày 27/4/2011 của UBND tỉnh Phú Thọ để hỗ trợ hộ bà V 50% giá trị toàn bộ vật kiến trúc, là đúng quy định, phù hợp thực tế.

**4. Nội dung 4:** Từ kết quả nêu tại nội dung 3, việc yêu cầu trả thêm số tiền 231.630.000 đồng còn thiếu là không có cơ sở.

**5. Nội dung 5:** Bà V không đủ điều kiện được bồi thường đất ở nên không đủ điều kiện giao đất tái định cư. Mặt khác bà đã có nhà và đất ở ổn định tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 51 Núi Khiếm, khu 8, xã P cùng với con trai từ năm 1990; UBND huyện Phù Ninh đã cấp Giấy CNQSD đất thửa đất cho gia đình bà số BM 194349 ngày 26/9/2012. Đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của bà Kiều Thị V (BL 274 đến 277).

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

**3.1. UBND xã P trình bày:** Về nguồn đất đối với thửa đất mà bà V đã xây dựng công trình trên đất giáp nhà Văn hoá khu 6, xã P là đất mạ, như UBND huyện đã trình bày. HĐBT đã kiểm đếm diện tích đất, tài sản là công trình xây dựng và cây cối hoa màu nằm trong chỉ giới thu hồi đất. Khi kiểm đếm diện tích đất và tài sản trên đất thì bà V không có thắc mắc gì. Trong quá trình thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai thì gia đình bà V đã có ý kiến về việc cấp GCNQSD đất đối với thửa đất bà V đang ở tại Núi Khiếm khu 8, xã P. Trong Đơn đề nghị cấp GCNQSD đất bà V có kê khai thửa đất sử dụng ổn định từ năm 1990,

mục đích sử dụng làm ở và trồng cây lâu năm. Việc này cũng phù hợp với ý kiến của khu dân cư.

Về việc bà V khai sử dụng đất từ năm 1971 đến khi Nhà nước thu hồi đất thì UBND xã không xác định được vì hồ sơ lưu trữ ở xã không thể hiện bà V sử dụng đất từ năm 1971.

Về việc bà V khai Biên bản làm việc ngày 28/8/2004 tại UBND xã P bà không có mặt và không ký vào Biên bản này, về việc này UBND xã P khẳng định có buổi làm việc ngày 28/8/2004, bà V có tham gia buổi làm việc và bà V có ký vào biên bản. Biên bản gốc hiện nay do Thanh tra lưu giữ. Thửa đất số 18, 19, 20, 21 tờ bản đồ số 14, loại đất là đất mạ. Trên sổ mục kê ghi chủ sử dụng là UBND xã. Nay bà V có yêu cầu khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thì UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật (*BL 308 đến 310*).

**4. Những người làm chứng:** Do yêu cầu của bà V: Ông Kiều Xuân Tại, ông Trần Mạnh Chử, ông Nguyễn Tiến Lợi đều trình bày các ông thấy bà V đã sử dụng diện tích đất này trước năm 1988, UBND xã không quản lý diện tích đất này (*BL 358, 359, 377*).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng Hành chính; điểm đ Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị V đề nghị UBND huyện P chi trả số tiền bồi thường 231.630.000đ, về việc UBND huyện P thu hồi đất để làm đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Bác yêu cầu của bà V đề nghị được cấp 01 ô đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ xét xử đối với việc bà V yêu cầu: Hủy Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 04/4/2008 của UBND huyện P về việc “*thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*” và Quyết định số 3921/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND huyện P về việc “*thu hồi thửa đất số 20 (thửa trích đo số 396), tờ bản đồ số 14, thuộc khu 6, xã P, diện tích đất bị thu hồi là 81,3 m<sup>2</sup>*”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện là bà Kiều Thị V kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị chấp nhận nội dung khởi kiện. Bà không có tài liệu mới cung cấp cho tòa án. Theo bà, đất thuộc sử dụng hợp pháp của bà, bà xây nhà là hợp pháp.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện P, Ủy ban nhân dân xã P vắng mặt (xin xét xử vắng mặt). Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân xã.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Không có căn cứ xác định đất thuộc thẩm quyền sử dụng hợp pháp của bà V. Bà V xây nhà đã bị lập biên bản yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm. Do chính quyền xã không xử lý triệt để nên bà V tiếp tục sử dụng đến khi có quyết định thu hồi. Việc bồi thường cho bà V 50% giá trị xây dựng là hợp lý.

Đất không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà V nên không được bồi thường.

Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Kiều Thị V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Sau khi xem xét, Hội đồng xét xử thấy:

1. Về tố tụng hành chính: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Việc xác định đối tượng khởi kiện thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Xét tính hợp pháp của QĐ454/QĐ-UBND ngày 4/4/2088 và quyết định 3921/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ (sau đây gọi tắt là QĐ 454 và Qđ 3921).

2.1.1. Về nguồn gốc đất có tranh chấp:

Theo tài liệu tại hồ sơ vụ án thể hiện: Bà V xây dựng quán bán hàng trên đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Năm 2004 Ủy ban nhân dân xã đã lập biên bản ngày 28/8/2004 yêu cầu bà V dừng xây dựng quán và bà V đã ký biên bản. Mặc dù bà V không thừa nhận, nhưng căn cứ kết luận giám định số 202/KLGD ngày 29/01/2016 của công an tỉnh Phú Thọ đã khẳng định việc lập biên bản là có căn cứ. Bà V yêu cầu giám định lại là không có cơ sở, không cần thiết.

Tuy nhiên, sau khi lập biên bản ngày 28/8/2004, bà V tiếp tục xây dựng quán bán hàng nhưng Ủy ban nhân dân xã P đã không buộc bà V chấm dứt hành vi vi phạm, phá dỡ công trình xây dựng trái phép, do đó bà V vẫn tiếp tục xây dựng. Sau đó Ủy ban nhân dân xã lại tạm giao một phần diện tích đất và cho phép bà tiếp tục sử dụng. Trong quá trình sử dụng, bà V lại lấn chiếm xây dựng ngoài



diện tích được tạm giao. Ngày 12/11/2004, Ủy ban nhân dân xã lại lập biên bản yêu cầu dừng xây dựng tiếp tục tồn tại đến khi nhà nước có quyết định thu hồi đất.

Tại đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/9/2012, bà V cũng thừa nhận tự làm nhà trên đất đồi từ 1990 (ở khu 8 xã P); phiếu lấy ý kiến khu dân cư đều xác định bà V tự khai phá làm nhà trên đất màu đồi tại khu 8 xã P. Bản thân anh Khiêm (con bà V) cũng xác nhận nội dung trên. Như vậy, có căn cứ xác định bà V xây dựng quán bán hàng trên đất màu đồi từ 1990 nhưng không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đã bị lập biên bản yêu cầu chấm dứt nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm. Mặt khác đất thuộc quyền quản lý của nhà nước, Ủy ban nhân dân xã không có quyền giao đất, tạm giao đất. Bà V không có quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bà V cũng đã khiếu nại nhiều lần, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại nhưng không có cơ sở chấp nhận khiếu nại của bà V. Bà V cũng không chứng minh được bà là người được quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bà V cho rằng bà khai phá từ năm 1971, xây nhà từ 1984 và ở ổn định từ đó đến khi nhà nước có quyết định thu hồi.

#### 2.1.2 Về căn cứ bồi thường khi thu hồi đất

+ Theo quy định tại điều 8 nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất; Điều 44, 45, 46 nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của chính phủ thì bà V không được bồi thường về đất và tài sản trên đất.

+ Trong quá trình sử dụng, Ủy ban nhân dân đã nhiều lần lập biên bản yêu cầu bà V chấm dứt hành vi vi phạm, nhưng do xử lý không triệt để, không cương quyết, do đó bà V vẫn tiếp tục sử dụng đất trái phép. Do trong quá trình kiểm đếm, công tác đã không bóc tách được phần xây dựng trước và sau thời điểm lập biên bản vi phạm, nên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư huyện P đã xem xét áp dụng quy định tại khoản 9 Điều 7 QĐ số 1467/2011/QĐ ngày 27/4/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ để hỗ trợ bà V bằng 50% giá trị toàn bộ công trình xây dựng trên đất là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### 3. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà V.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Kiều Thị V. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HCST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Kiều Thị V

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huyền Cường**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phùng Hải Hiệp**

**Phạm Văn Tuyển**

**Nguyễn Huyền Cường**